

Chương V: Phạm vi cung cấp

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc quy định tại Mẫu số 00, Chương IV - biểu mẫu dự thầu Phạm vi cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan (nếu có)

Chủ đầu tư liệt kê chi tiết danh mục các thuốc cần cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục thuốc với số lượng và các thông tin cụ thể theo các Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc và được nêu tại Mẫu số 00 - Biểu mẫu dự thầu Chương IV.

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua thuốc tân dược phục vụ điều trị tuyến quân y đơn vị.

Thuộc Dự toán và Kế hoạch: Mua thuốc tân dược và vật tư y tế phục vụ điều trị tuyến quân y đơn vị

Nội dung gói thầu: Mua thuốc tân dược phục vụ điều trị tuyến quân y đơn vị

Giá gói thầu: 1.254.468.580 đồng

Địa điểm thực hiện: Quân đoàn 34/Bộ Quốc phòng– Địa chỉ: 273 Lê Duẩn, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

Hình thức lựa chọn: nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

Loại hợp đồng: Trọn gói

Tùy chọn mua thêm: 30%

Nguồn vốn: Ngân sách Quốc phòng

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Yêu cầu về thuốc (bao gồm: Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Đơn vị tính và nhóm thuốc theo Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Thuốc phải đạt tiêu chuẩn chất lượng đã được Bộ Y tế cho phép lưu hành.

- Cam kết hàng hóa chính hãng, mới 100%.

- Cam kết có mặt xử lý sự cố trong vòng 24 giờ khi được thông báo của Chủ đầu tư.
- Cam kết hàng hóa bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn thuốc do Bộ Y tế ban hành.
- Cung cấp Bảng Đáp ứng thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu: mô tả chi tiết thông số kỹ thuật, xuất xứ, ký mã hiệu, hãng sản xuất phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật nêu tại Chương V của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V của E-HSMT.
- Nhà thầu đóng gói thuốc đúng yêu cầu của nhà sản xuất, phù hợp với phương tiện vận chuyển để chuyển hàng từ nơi xuất hàng tới địa điểm giao, chịu trách nhiệm vận chuyển, bàn giao hàng hóa đến: 273 Lê Duẩn, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc được chuyển đến nơi giao hàng không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường.

2.3. Dự thầu giá trị gói thầu:

Gói thầu là gói thầu mua sắm thuốc qua mạng đấu thầu Quốc gia, do gói thầu là chỉ có 1 lô gồm nhiều mặt hàng thuốc, nên yêu cầu nhà thầu khi dự thầu trên mạng, nhà thầu dự thầu ở biểu đơn giá, sẽ dự giá tổng của lô hàng.

Nhà thầu điền đầy đủ bảng giá dự thầu theo nội dung biểu số 05 đính bản scan, nhà thầu scan gửi cùng E-HSDT theo yêu cầu tại **CDNT 11.8 và CDNT 5.3 Chương II. Bảng dữ liệu**

2.5. Yêu cầu về kỹ thuật khác

- Tất cả các mặt hàng tham dự thầu, nhà thầu phải có cam kết đảm bảo chất lượng. (ghi chú: có ký mã hiệu (nếu có), nhãn mác sản phẩm (nếu có), hãng sản xuất, xuất xứ theo đúng đề xuất trong E-HSDT.
- Cam kết về đơn giá chào thầu các mặt hàng thuốc không vượt quá giá kế hoạch.
- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền nhưng nguyên nhân không phải do nhà thầu.
- Cam kết trong quá trình đánh giá E-HSDT Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa do Nhà thầu chào thầu để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng bằng hoặc cao hơn so với yêu cầu của từng loại hàng hóa được nêu tại E-HSMT.

Lô thuốc của gói thầu gồm các mặt hàng thuốc sau:

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
1	GN1	Furosemid	20mg/2ml	Tiêm	thuốc tiêm	Ống	100	2.500	4	30	Theo CDNT 18.2- Chương II: Bảng dữ liệu nhà thầu
2	GN2	Glucose (dưới dạng Glucose monohydrat)	1,5g/5ml	Tiêm truyền	thuốc tiêm	Ống	270	2.000	4	30	
3	GN3	Tenofovir disoproxil fumarat	300mg	Uống	Viên	Viên	360	2.625	2	30	
4	GN4	Lactobacillus acidophilus	4 tỷ/5ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	ống	2.000	14.520	BDG	30	
5	GN5	Hydrogen peroxyd (50%)	50ml	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Lọ	4.400	3.500	4	30	
6	GN6	Mỗi 8 g chứa: Diethyl phtalat 5,2g	8g	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Hộp	1.390	5.250	4	30	
7	GN7	Mỗi 3g chứa: Long não 698,31mg; Menthol 23,31mg; Tinh dầu bạc hà 208,50mg; Tinh dầu hương nhu trắng 54,99mg; Tinh dầu quế 16,80mg; Tinh dầu tràm 721,50mg	698,31mg; 23,31mg; 208,50g; 721,50mg; 54,99mg; 16,80ml	Dùng ngoài	Cao xoa	Hộp	5.000	3.500	4	30	
8	GN8	Tinh dầu bạc hà, Menthol, Methyl salycilat, Camphor, Eucalyptol, Tinh dầu	0,075g; 0,55g; 0,45g; 0,05g;	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Lọ	2.750	8.500	VTY T	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Lavender, Tinh dầu đinh hương, Máu và Dầu parafin	0,12g; 0,45g; 0,005g								
9	GN9	Chai 20ml chứa: Acid Benzoic 1g; Acid Salicylic 1g; Iod 0,3g	20ml	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Lọ	1.700	6.000	4	30	
10	GN10	Mỗi 20ml chứa: Aspirin 2,0g; Natri salicylat 1,76g	(2,0g; 1,76g)/20ml	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Lọ	1.100	5.000	4	30	
11	GN11	L-ornithin L-aspartat	150mg	Uống	Viên	Viên	5.000	2.900	4	30	
12	GN12	Bột rễ ginseng 40mg, Calci carbonat 225mg (tương đương calci 90mg), Calci pantothenat 13,75mg (tương đương acid pantothenic 12,6mg, tương đương calci 1,15mg), Cholecalciferol 10mcg (dưới dạng vitamin D3 1.0 MIU/g tương đương vitamin D3 400 IU, Đồng gluconat 14,29mg (tương đương đồng 2mg), Kali sulfat 17,83mg (tương đương kali	40mg, 225mg, 13,75mg, 10mcg, 14,29mg, 17,83mg, 10,98mg, 3,08mg, 20mg, 2mg, 20mg, 54,76mg, 2mg, 1.0 MIU/g 2,775mg, 6mcg, 2mg, 60mg, 30,2mg	Uống	Viên nang	Viên	800	6.420	1	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
13	GN13	Acid ascorbic; Nấm men khô chứa crom (Tương ứng với 50 µg crom); Nấm men khô chứa selen (Tương ứng với 50 µg selen)	50mg; 25mg; 25mg	Uống	Viên nang	Viên	15.000	5.500	4	30	
14	GN14	Hải sâm	200 mg	Uống	Viên nang	Viên	4.500	3.800	ĐY3	30	
15	GN15	Mỗi viên nang cứng chứa: Bột Đương quy 195mg (tương đương: Đương quy 243mg), bột Xuyên khung 100mg (tương đương: Xuyên khung 120mg), cao khô hỗn hợp dược liệu 205mg (tương đương với Sinh địa 243mg; Đào nhân 324mg; Ngưu tất 243mg; Xích thực 162mg; Cam thảo 81mg; Sài hồ 81mg; Hồng hoa 243mg; Chi xác 162mg; Cát cánh 120mg)	243mg; 120mg; 243mg; 324mg; 243mg; 162mg; 81mg; 81mg; 243mg; 162mg; 120mg	Uống	Viên nang	Viên	1.000	3.200	ĐY3	30	
16	GN16	Vitamin B1+ vitamin B2+Vitamin	15mg+10mg+5mg+50mg+100mg	Uống	Viên nang	Viên	2.000	1.500	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		B6+Vitamin PP+ Vitamin C									
17	GN17	Phospholipid đậu nành	600mg	Uống	Viên nang	Viên	4.000	9.144	5	30	
18	GN18	Sắt (dưới dạng Sắt fumarate); Acid Folic; Vitamin B12	53,25mg; 0,75mg; 7,5mcg	Uống	Viên nang	Viên	1.500	1.758	2	30	
19	GN19	Mỗi 10g chứa: Betamethason dipropionat 6,4mg; Clotrimazol 100mg; Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 10mg	10g	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Tuýp	550	16.000	4	30	
20	GN20	Tobramycin	3mg/ml	Nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Lọ	300	50.000	BDG	30	
21	GN21	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1 (Extractum Radix Polysciacis spissum); Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (Hàm lượng Flavonoid toàn phần $\geq 24\%$)	150mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	5.000	1.240	ĐY1	30	
22	GN22	Cao khô lá bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccus) (tương	40 mg	Uống	Viên nang	Viên	1.200	960	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		đương với 9,6mg flavonol glycosides)									
23	GN23	Acid ascorbic; Acid folic; Calci pantothenat; Cyanocobalamin; Ergocalciferol; Nicotinamid; Pyridoxin hydrochlorid; Retinol palmitat; Riboflavin; Tocopherol acetat; Thiamin hydrochlorid	75mg; 100µg (mcg); 10mg; 5µg (mcg); 400IU; 20mg; 2mg; 4000IU; 2mg; 15mg; 2mg	Uống	Viên nang	Viên	6.000	2.200	4	30	
24	GN24	Aluminium phosphate 20% gel 12,38g/gói 20g	12,38g/20g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	9.000	4.416	BDG	30	
25	GN25	L-Arginin HCL	400mg	Uống	Viên nang	Viên	13.200	2.600	4	30	
26	GN26	Sodium Carboxymethylcellulose	75 mg/15ml	Nhỏ mắt	thuốc nhỏ mắt	Lọ	200	80.000	1	30	
27	GN27	Xanh methylen	1%	Dùng ngoài	thuốc dùng ngoài	Lọ	1.000	4.000	VTY T	30	
28	GN28	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dung dịch uống	Gói	5.000	7.600	BDG	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
29	GN29	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	10.000	3.700	BDG	30	
30	GN30	Telmisartan	40mg	Uống	Viên	Viên	300	11.500	BDG	30	
31	GN31	Telmisartan; Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate)	40mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	300	14.000	BDG	30	
32	GN32	Salbutamol (dưới dạng salbutamol sulfate)	100mcg/liều u xịt	Xịt theo đường miệng	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Bình	200	110.000	BDG	30	
33	GN33	Xylometazoline hydrochloride	5mg/10ml	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Lọ	200	52.000	BDG	30	
34	GN34	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g gel	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	200	68.500	BDG	30	
35	GN35	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	15.000	3.500	BDG	30	
36	GN36	Paracetamol + codein phosphat	500mg+30 mg	Uống	Viên sủi	Viên	10.000	4.700	BDG	30	
37	GN37	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên sủi	Viên	500	24.589	BDG	30	
38	GN38	Clobetasol butyrat	0.05% 5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	200	21.000	BDG	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
39	GN39	Acid acetylsalicylic; Clopidogrel (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphat)	100mg + 75mg	Uống	Viên	Viên	500	23.500	BDG	30	
40	GN40	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/5ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	1.000	9.400	BDG	30	
41	GN41	Spiramycin	3MUI	Uống	viên	Viên	6.000	5.040	2	30	
42	GN42	Glucosamin sulfate; Chondroitin sulfate	995,22mg; 250mg	Uống	Viên	Viên	12.120	11.400	1	30	
43	GN43	Calcium carbonate, Vitamin D3	600mg, 500 IU	Uống	Viên	Viên	2.760	5.700	1	30	
44	GN44	Vitamin A; Vitamin D3; Vitamin B1; Vitamin B2; Vitamin PP; Vitamin B6; Vitamin B12; Sắt (II) sulfat; Calci glycerophosphat; Magnesi gluconat; Lysin HCl	500IU; 100IU; 2,5mg; 2mg; 8mg; 2mg; 5,2µg (mcg); 15mg; 8mg; 5mg; 30mg	Uống	Viên nang	Tube	4.000	2.230	4	30	
45	GN45	Cao nhân sâm; Cao bạch quả; Tinh dầu tỏi	40mg; 40mg; 10mg	Uống	Viên nang	Viên	4.320	3.900	4	30	
46	GN46	Magnesi; Vitamin C; Nhân Sâm; Kẽm; Sắt;	77,5mg; 80mg;	Uống	Viên	Viên	5.000	7.500	TPBV SK	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Vitamin E; Niacin; Vitamin B5; Mangan; Vitamin B6; Vitamin B1; Đồng; Vitamin B2; Vitamin A; Folic Acid; Selen; Biotin; Vitamin D3; Vitamin B12	40mg; 10mg; 8,3mg; 12mg; 1,5mg; 6,3mg; 2mg; 2,8mg; 2,1mg; 1mg; 2,2mg; 640mcg; 300mcg; 55mcg; 38mcg; 6mcg; 3mcg								
47	GN47	Saponin	100mg	Uống	Viên	Viên	9.390	12.550	4	30	
48	GN48	Glucosamine sulfate	500mg	Uống	Viên nang	Viên	6.960	3.350	1	30	
49	GN49	L-Arginin hydroclorid; Thiamin hydroclorid; Pyridoxin hydroclorid	250mg; 100mg; 20mg	Uống	Viên	Viên	1.740	5.390	4	30	
50	GN50	Diclofenac	50mg	Uống	Viên	Viên	3.000	4.500	BDG	30	
51	GN51	Meloxicam	7,5 mg	Uống	Viên	Viên	2.000	10.750	BDG	30	
52	GN52	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên	Viên	560	20.000	BDG	30	
53	GN53	Ipratropium bromide khan (dưới dạng Ipratropium bromide monohydrate);	0,02mg/nhát xịt + 0,05mg/nhát xịt	Xịt	Thuốc hít định liều/phun	Bình	100	155.000	BDG	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
		Fenoterol hydrobromide			mủ định liều						
54	GN54	Cholin bitartrat; Natri chondroitin sulphat; Retinol palmitat; Riboflavin; Thiamin hydroclorid	25mg; 100mg; 2.500IU; 5mg; 20mg	Uống	Viên nang	Viên	8.000	2.000	4	30	
55	GN55	Caffein; Paracetamol	65mg, 500mg	Uống	Viên	Viên	20.000	1.300	2	30	
56		Cao đặc rễ Đinh lăng (Extractum Radicis Polysciaspis spissum) (tương đương 3 g rễ Đinh lăng (Radix Polysciacis)) 300mg; Cao khô lá Bạch quả (Extractum Folii Ginkgo siccum) (tương đương không dưới 24% ginkgo flavonoid toàn phần) 100mg	300mg; 100mg	Uống	Viên nang	Viên	1.040	3.000	4	30	
57		Terpin hydrat; Natri benzoat	100mg; 50mg	uống	Viên	Viên	30.000	550	4	30	
58		Fenofibrate	200mg	uống	Viên nang	Viên	500	9.000	1	30	
59		L-Ornithin L-Aspartat	450mg	uống	Viên nang	Viên	3.360	2.793	4	30	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Nhóm thuốc	Tiến độ cung cấp	Giá trị bảo đảm dự thầu
60		Cao khô Actisô EP 170mg; Cao khô Rau đắng đất 8:1 128mg; Cao khô Bim bim 13,6mg	13,6mg; 128mg; 170mg	uống	Viên nang	Viên	2.000	2.400	ĐY1	30	
61		Cúc Hoa, Cà rốt, Phục Linh, Thục Địa, Câu Kỷ Tử, Hoài Sơn Trạch Tả có hàm lượng 120mg. Đan bì có hàm lượng 120mg. Sơn Thù có hàm lượng 160mg.	120mg, 120mg, 320mg, 120mg, 160mg, 120mg, 120mg, 160mg	uống	Viên nang	Viên	10.050	2.200	4	30	
62		Methyl prednisolon	40mg	tiêm	thuốc tiêm	Lọ	200	32.000	1	30	
63		Bisoprolol fumarate	2,5mg	uống	Viên	Viên	500	4.000	1	30	
64		Lercanidipine HCl (tương ứng Lercanidipine)	10mg	uống	Viên	Viên	500	10.000	1	30	

- Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong Bảng yêu cầu kỹ thuật là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt hơn” so với các yêu cầu tối thiểu.

- Trong yêu cầu về kỹ thuật, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa thì được hiểu tương đương về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ, nếu cụm từ “tương đương” được mô tả sau các yêu cầu về chức năng của hàng hóa thì được hiểu tương đương về tính năng sử dụng

Mục 4. Kiểm tra và thử nghiệm: Không

Nhà thầu có cam kết là sẽ chấp nhận các kiểm tra và thử nghiệm của chủ đầu tư, nếu hàng hóa không đúng nội dung, hoặc chất lượng kém, hoặc đã hết hạn sử dụng, sẽ thay đổi hàng cho chủ đầu tư